|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2023* |

**ĐỀ CƯƠNG**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA ……. - KỲ HỌP THỨ …….**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*…………*

*Xét Tờ trình số ……… /TTr-UBND ngày …. tháng … năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Nghị quyết này theo quy định của pháp luật và lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh để thực hiện chính sách.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày… tháng … năm 20…

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa ......, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ ….. thông qua ngày …. tháng …. năm …../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTVQH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;- Các Bộ: NN&PTTN, KH&ĐT, Tài Chính, Tư pháp;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;- ĐB HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;- UBND, UBMTTQVN thành phố;- VP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND thành phố;- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện, HĐND, UBND các phường, xã;- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm TTVN (VTV8), cổng TTĐT thành phố;- Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH****Thái Bảo** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN**

**TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …./2022/NQ-HĐND ngày … tháng … năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp.

Áp dụng cho các khâu: quản lý, sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm, xử lý môi trường vùng dự án.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 2. Điều kiện hỗ trợ chung**

1. Có dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất nông nghiệp hữu cơ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

3. Ngoài những điều kiện chung quy định tại các khoản 1,2 của Điều này, tùy theo nội dung hỗ trợ mà còn có các điều kiện cụ thể khác được quy định tại các nội dung chính sách hỗ trợ tại Chương II của Quy định này.

**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Các nội dung hỗ trợ đối với dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ theo chính sách này là hỗ trợ sau đầu tư. Nhà đầu tư huy động nguồn vốn để thực hiện, ngân sách nhà nước hỗ trợ sau khi có khối lượng được nghiệm thu.

2. Nhà đầu tư được thanh toán tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về nội dung, hồ sơ cung cấp.

3. Nhà đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao không được hỗ trợ cùng lúc đối với nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 5.

4. Chủ đầu tư dự án nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ 01 (một) lần đối với nội dung đề nghị hỗ trợ; không hỗ trợ đối với nội dung đã được hỗ trợ từ chương trình, đề án khác.

Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (từ các chương trình, đề án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

5. Nhà nước hỗ trợ theo giá thực tế của năm dự toán được phê duyệt. Trong trường hợp, giá thực tế thấp hơn giá dự toán được phê duyệt thì hỗ trợ theo giá thực tế. Trường hợp giá thực tế cao hơn giá dự toán được phê duyệt, thì hỗ trợ theo giá dự toán được phê duyệt.

**Điều 4. Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ**

1. Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là dự án nông nghiệp phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Công nghệ ứng dụng trong dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 4, Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2019 về quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung Danh mục danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp, có công nghệ cao áp dụng trong nông nghiệp không trong danh mục của các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định công nghệ cao.

b) Sản phẩm được tạo ra của dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm.

c) Được cấp chứng nhận hoặc cam kết công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho dự án, phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo một trong các tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, GAP, GMP hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương về hệ thống quản lý chất lượng.

d) Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ phải đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Dự án nông nghiệp hữu cơ là dự án sản xuất nông nghiệp mà sản phẩm đạt chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam hoặc nước ngoài.

3. Trình tự thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

**Chương II.**

**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**Điều 5. Hỗ trợ dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

1. Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Hạn mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 30 tỷ đồng/dự án. Thời gian hỗ trợ lãi suất vay không quá 3 năm (36 tháng). Mức lãi suất được hỗ trợ bằng mức lãi suất cho vay lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tại thời điểm phê duyệt dự án; phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) do đối tượng vay tự chi trả.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí mua vật tư, dây chuyền, máy móc, trang thiết bị để đầu tư mới và cải tiến, nâng cấp hệ thống, máy móc thiết bị hiện có để đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (không bao gồm phần xây dựng). Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

3. Hỗ trợ chủ đầu tư đào tạo nghề cho lao động hoặc thuê lao động kỹ thuật cao để tiếp nhận, vận hành máy móc, quy trình sản xuất công nghệ cao. Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/tháng/lao động. Thời gian hỗ trợ tối đa 03 tháng.

**Điều 6. Hỗ trợ dự án nông nghiệp hữu cơ**

1. Nhà đầu tư dự án nông nghiệp hữu cơ được hỗ trợ lãi suất vay vốn theo quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

2. Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn của nước ngoài về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (lần đầu hoặc cấp lại).

3. Hỗ trợ 50% chi phí thực tế mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học (ủ phân hữu cơ, ủ thức ăn, xử lý môi trường) trong thời gian chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ theo quy định của Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam.

4. Ngoài các chính sách hỗ trợ tại khoản 1,2,3 của Điều này, chủ đầu tư được hỗ trợ theo các chính sách quy định tại khoản 1, Điều 17 của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 về nông nghiệp hữu cơ và các chính sách hỗ trợ khác về xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ của tỉnh ban hành.

**Điều 7**. Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO, NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ; NGUỒN VỐN HỖ TRỢ**

**Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và dự án nông nghiệp hữu cơ được triển khai trên địa bàn từ 02 (hai) huyện trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt các dự án nông nghiệp nông nghiệp hữu cơ.

**Điều 9. Nguồn vốn hỗ trợ**

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung chính sách quy định tại Điều 5 của Quy định này và hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Ngân sách huyện hỗ trợ các nội dung chính sách quy định tại khoản 2, 3, 4, Điều 6 của quy định này và hỗ trợ tư vấn xây dựng dự án nông nghiệp hữu cơ.

**Chương IV.**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục giải ngân kinh phí hỗ trợ của nhà nước quy định tại Quyết định này.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện, xử lý, giải quyết kịp thời các nội dung phát sinh phù hợp với thẩm quyền trong quá trình thực hiện Quy định này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh trong các kỳ họp thường lệ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có các trường hợp phát sinh về nội dung hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, cho ý kiến bằng văn bản theo thẩm quyền.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này theo quy định của pháp luật

**Điều 13. Sửa đổi, bổ sung quy định**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH****Thái Bảo** |